

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 27/5/2022 của UBND thành phố Uông Bí về triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố Uông Bí giai đoạn 2022-2025, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí ban hành Kế hoạch triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu đề ra tại Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 27/5/2022 của UBND thành phố Uông Bí về triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố Uông Bí giai đoạn 2022-2025.

- Cụ thể hóa các nội dung công việc, phân công trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các phòng, ban, ngành, các xã, phường và các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

- Gắn nhiệm vụ triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh với thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh về Phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ đơn vị, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân có các sản phẩm OCOP, sản phẩm thủy sản tham gia các ứng dụng truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh chấp nhận thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đảm bảo sự nhất quán, đồng bộ, liên thông với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nhất là Chuyển đổi số toàn diện thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các Chương trình, Kế hoạch khác của Trung ương, của tỉnh có liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

(1) Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 45%.

(2) 85% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

(3) Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ thanh toán của người dân; tăng thêm số lượng điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ chức, cá nhân kinh doanh,.. đạt trên 1.000 điểm;

(4) Mục tiêu tăng trưởng sử dụng phương tiện, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân về số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt 20-25%/năm;

- Tốc độ tăng trưởng bình quân qua kênh điện thoại di động về số lượng giao dịch đạt 60-80%/năm và giá trị giao dịch đạt 80-100%/năm;

- Tốc độ tăng trưởng bình quân qua kênh Internet về số lượng giao dịch đạt 35- 40%/năm và giá trị giao dịch đạt 40-45%/năm;

- Tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử đạt 50%.

(5) Mục tiêu thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công:

- Đối với dịch vụ thu ngân sách nhà nước: 98,5% số thu ngân sách nhà nước (thuế, phí và lệ phí,...) bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 98,5% số doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh cá thể,... kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 80,0% Hộ kinh doanh cá thể, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai thực hiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; 100% hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng xuất khẩu, dự án đầu tư được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả theo phương thức điện tử; 10% giá trị thanh toán không dùng tiền mặt trong thực hiện các thủ tục hành chính do cơ quan công an thực hiện (nộp phạt vi phạm hành chính, các loại phí và lệ phí làm thủ tục đăng ký phương tiện giao thông,...).

- Đối với dịch vụ thanh toán tiền điện: 90% số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình,... thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 95% số tiền điện được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối với dịch vụ thanh toán tiền nước: 85% số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình,... thanh toán tiền nước bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 92% doanh số tiền nước được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối với dịch vụ thanh toán học phí: 100% cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 95% số tiền học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học, cao đẳng và cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 60% các trường đại học, cao đẳng triển khai thanh toán học phí trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

- Đối với dịch vụ thanh toán viện phí: 100% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn chấp nhận thanh toán viện phí, dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 60% số tiền viện phí tại bệnh viện, 55% số tiền viện phí tại các Trung tâm y tế được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối với dịch vụ hành chính công: 100% số tiền phí dịch vụ hành chính công thành phố được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối với dịch vụ chi trả an sinh xã hội: 85% số người hưởng lương hưu, trợ

cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp khu vực đô thị; 25% số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp khu vực nông thôn được chi trả thông qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

(6) Mục tiêu thanh toán không dùng tiền mặt đối với các lĩnh vực khác:

- 95% sản phẩm OCOP, sản phẩm thủy sản và sản phẩm nông sản tham gia các ứng dụng truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử chấp nhận thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;

- 90% cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch các địa phương được phân cấp quản lý chấp nhận thanh toán giá dịch vụ bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;

- 100% Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh cá thể,... kinh doanh dịch vụ vận tải thuộc lĩnh vực quản lý của phòng Quản lý đô thị chấp nhận thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Giao chỉ tiêu cụ thể hằng năm cho các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch (Có phụ biểu kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo và bảo vệ người tiêu dùng trong thanh toán không dùng tiền mặt

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo về thanh toán không dùng tiền mặt cho tất cả các hoạt động có thanh toán, chi trả tiền. Đặc biệt, hướng tới nhóm đối tượng mục tiêu như người dân ở khu vực xa trung, người yếu thế trong xã hội, người chưa có tài khoản ngân hàng, học sinh, sinh viên, người tiêu dùng ít có cơ hội tiếp xúc công nghệ; Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh cá thể...

- Đa dạng các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo... về thanh toán không dùng tiền mặt phù hợp với vùng miền, phong tục tập quán, độ tuổi, trình độ, nghề nghiệp; tâm lý và đặc điểm của khách du lịch.

- Việc tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo về thanh toán không dùng tiền mặt là trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, phường.

- Gắn hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo về thanh toán không dùng tiền mặt với Chuyển đổi số trong hoạt động Xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, hoá đơn điện tử và các nội dung Chuyển đổi số,... của cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Tiếp tục triển khai công tác truyền thông, giáo dục về các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử đối với người sử dụng dịch vụ; phối hợp giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

2. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các cơ chế, chính sách về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

- Triển khai kịp thời, đầy đủ các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực thanh toán, trong đó, chú trọng tuyên truyền, triển khai các chính sách mới về thanh toán và các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tham gia ý kiến, tham mưu, nghiên cứu xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế chính sách phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát của các sở, ban, ngành, UBND các địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn trong quá trình thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; kịp thời chấn chỉnh các đơn vị thực hiện chưa hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch.

- Thực hiện lồng ghép các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các Đề án, Chương trình, Kế hoạch của tỉnh, nhất là Đề án chuyển đổi số toàn diện để gắn kết, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện.

3. Nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và có khả năng kết nối, tích hợp với các hệ thống khác; phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0

3.1 Hạ tầng thanh toán:

- Đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (TCCUDVTT), trung gian thanh toán: nâng cấp, hiện đại hóa, quản lý vận hành tốt hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), hệ thống thanh toán nội bộ đảm bảo kết nối, tích hợp với các hệ thống thanh toán quan trọng, hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức cung ứng dịch vụ công và các hệ thống khác; triển khai kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06.

- Đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ, nhất là đơn vị cung ứng dịch vụ công: Tiếp tục xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu để kết nối, chia sẻ thông tin với các TCCUDVTT, trung gian thanh toán phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối với các doanh nghiệp viễn thông: Chú trọng đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số toàn diện của thành phố; bảo đảm hạ tầng kết nối phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ trung gian thanh toán: hạ tầng kết nối mạng internet, phủ sóng di động, internet cáp quang tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; hạ tầng nền tảng tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu và kết nối liên thông với các hệ thống khác; nền tảng công nghệ (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn...) để nhận biết và xác thực khách hàng khi đăng ký và sử dụng dịch vụ Mobile - Money.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống định danh và xác thực điện tử, mở rộng việc ứng dụng hệ thống trong các giao dịch điện tử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; chú trọng triển khai ứng dụng các tính năng của chip điện tử trên thẻ Căn cước công dân và ứng dụng VNEID đối với các lĩnh vực chuyển đổi số ưu tiên như tài chính, hoạt động ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử,...) và một số lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội khác.

3.2 Phát triển dịch vụ thanh toán hiện đại; mở rộng hệ thống tài khoản người dùng thanh toán không dùng tiền mặt gắn với hoạt động FINTECH

- Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán trên nền tảng thành tựu của CMCN 4.0 đảm bảo an toàn, bảo mật mang lại sự thuận tiện và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng; phát triển các tiện ích thanh toán trên thiết bị di động (như QR Code, mã hóa thông tin thẻ, thanh toán di động, thanh toán phi tiếp xúc, ví điện tử, Mobile-Money...).

- Rà soát, bố trí, phát triển hợp lý và gia tăng chức năng, tiện ích trên các thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ (ATM, POS) với các hình thức phù hợp, hiệu quả

đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường; Tiếp tục phát triển dịch vụ thẻ ngân hàng, cung ứng các dịch vụ gia tăng khác; tập trung triển khai hoàn thành chuyển đổi thẻ ngân hàng từ thẻ từ sang thẻ chip, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán thẻ, gia tăng dịch vụ, tạo thuận lợi kết nối với các hệ thống thanh toán khác.

- Phát triển hệ thống tài khoản thanh toán điện tử góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là đối với lĩnh vực thương mại điện tử.

- Khuyến khích triển khai các hình thức miễn, giảm phí, khuyến mãi, giảm giá,... đối với khách hàng khi sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

- Khuyến khích hợp tác phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt giữa các tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại với doanh nghiệp viễn thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông triển khai các giải pháp/chiến lược cung ứng (miễn phí hoặc có điều kiện) thiết bị thông minh (điện thoại, máy tính bảng,...) cho các đối tượng là người nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo,... tạo điều kiện để người dân có tài khoản thuê bao di động được tiếp cận dịch vụ internet và dịch vụ Mobile - Money.

3.3 Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong khu vực Chính phủ, dịch vụ hành chính công

- Tiếp tục hoàn thiện kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của các TCCƯDVTT, trung gian thanh toán,... với hạ tầng của các cơ quan thuế, hải quan, kho bạc để phục vụ yêu cầu phối hợp thu ngân sách nhà nước, tăng cường triển khai chi ngân sách nhà nước bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; tăng cường kết nối giữa các TCCƯDVTT, trung gian thanh toán với cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống một cửa điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đơn giản hóa thủ tục và tạo điều kiện thanh toán điện tử đối với các khoản phí và lệ phí, thanh toán tiền điện, tiền nước, học phí, viện phí.

- Đẩy mạnh triển khai kết nối và cung cấp dịch vụ công trên cổng dịch vụ công Quốc gia; khuyến khích các trường học, bệnh viện, đơn vị cung cấp điện, nước, dịch vụ vệ sinh môi trường, viễn thông, bưu chính,... phối hợp với ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán để thu học phí, viện phí, tiền điện,... bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Triển khai các giải pháp để hoàn thiện hạ tầng, cơ sở dữ liệu, thúc đẩy thanh toán điện tử trong các chương trình trợ cấp an sinh xã hội, chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp,...

- Đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn thành phố; tăng cường kết nối thanh toán không dùng tiền mặt đến các đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử.

3.4 Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán

Tăng cường cơ chế hợp tác, phối hợp, trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Chi cục Thuế Ưông Bí-Quảng Yên, Đội Quản lý thị trường số 6, Công an thành phố, phòng Tài chính-Kế hoạch và các cơ quan, đơn vị liên quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, bảo vệ quyền lợi của khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán; đấu tranh xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thanh toán điện tử,

thanh toán không dùng tiền mặt, phòng chống rửa tiền và các loại tội phạm mạng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi, nguồn xã hội hoá và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế phối hợp với phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố làm đầu mối phối hợp với các phòng, ban, ngành, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố tổ chức triển khai, theo dõi thực hiện Kế hoạch.

2. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố căn cứ vào chủ trương Chuyển đổi số toàn diện của thành phố, phân công tại Kế hoạch và các chỉ đạo khác có liên quan của cấp có thẩm quyền, xây dựng kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu đã giao, đồng thời thực hiện nghiêm các chế độ báo cáo.

3. Chế độ báo cáo định kỳ:

- Báo cáo định kỳ (quý I, II, III) gửi trước ngày 5 tháng đầu quý sau; Báo cáo quý IV và báo cáo năm gửi trước ngày 30 tháng 11; Báo cáo đột xuất thực hiện theo chỉ đạo cụ thể của UBND tỉnh hoặc theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các phòng, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về phòng Tài chính-Kế hoạch và phòng Kinh tế tổng hợp, báo cáo, đề xuất./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (B/c);
- Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh QN (P/h);
- TT. Thành ủy, HĐND thành phố (B/c);
- CT, các PCT UBND Thành phố;
- Các phòng, ban, ngành (T/h);
- UBND các phường, xã (T/h);
- Các ngân hàng trên địa bàn thành phố;
- Các đơn vị viên thông trên địa bàn;
- Chi nhánh điện Uông Bí, Xi nghiệp nước UB;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hòa

PHU LUC
GIAO CHỈ TIÊU TRIỂN KHAI THANH TOÁN KHÔNG DÙNG
TIỀN MẶT NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 90a/KH-UBND ngày 28/02/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì
1	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử	45%	Phòng Kinh tế
2	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	85%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh,
3	Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ thanh toán của người dân; tăng số lượng điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh	1.000 điểm	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND các xã, phường
4	Mục tiêu tăng trưởng sử dụng phương tiện, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt		Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh
4.1	Tốc độ tăng trưởng bình quân về số lượng và giá trị giao dịch TTKDTM	20-25%/năm	
4.2	Tốc độ tăng trưởng bình quân qua kênh điện thoại di động;		
	- Về số lượng giao dịch	60-80%/năm	
	- Về giá trị giao dịch	80-100%/năm	
4.3	Tốc độ tăng trưởng bình quân qua kênh Internet:		
	- Về số lượng giao dịch	35-40%/năm	
	- Về giá trị giao dịch	40-45%/năm	
4.4	Tỷ lệ cá nhân tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử	50%	
5	Mục tiêu thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công		
5.1	Đối với dịch vụ thu ngân sách nhà nước		
5.1.1	Tỷ lệ số thu NSNN (thuế, phí, lệ phí,...) bằng phương thức TTKDTM	98,5%	Chi cục thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên
5.1.2	Tỷ lệ số doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức TTKDTM, trong đó:		
	- Tỷ lệ số doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp kê khai nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức TTKDTM	98,5%	Chi cục thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên
	- Tỷ lệ số hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức TTKDTM	80%	Chi cục thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên



5.1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp và hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai thực hiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Chi cục thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên
5.1.4	Tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế GTGT xuất khẩu, dự án đầu tư được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả theo phương thức điện tử	100%	Chi cục thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên
5.1.5	Tỷ lệ giá trị TTKDTM trong thực hiện các thủ tục hành chính do cơ quan công an thực hiện	10%	Công an thành phố
	Phạt vi phạm hành chính, các loại phí, lệ phí làm thủ tục đăng ký phương tiện giao thông...		
5.2	Đối với dịch vụ thanh toán tiền điện		Điện lực Uông Bí
5.2.1	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức TTKDTM	90%	
5.2.2	Tỷ lệ số tiền điện được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	95%	
5.3	Đối với dịch vụ thanh toán tiền nước		Xí nghiệp nước Uông Bí
5.3.1	Tỷ lệ số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thanh toán tiền nước bằng phương thức TTKDTM	85%	
5.3.2	Tỷ lệ doanh số tiền nước được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	92%	
5.4	Đối với dịch vụ thanh toán học phí		
	Tỷ lệ cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức TTKDTM, trong đó:		
	- Tỷ lệ cơ sở giáo dục chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức TTKDTM	100%	Phòng Giáo dục và Đào tạo
	- Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức TTKDTM	95%	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội
5.4.2	Tỷ lệ số tiền học phí được thanh toán bằng phương thức TTKDTM:		
	- Tỷ lệ số tiền học phí của cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	95%	Phòng Giáo dục và Đào tạo
	Tỷ lệ số tiền học phí cả cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	85%	Phòng Giáo dục và Đào tạo
	- Tỷ lệ số tiền học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	85%	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội

	- Tỷ lệ số tiền học phí của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	95%	- Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố
5.4.3	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng triển khai thanh toán học phí trên cổng Dịch vụ công Quốc gia	60%	- Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố
5.5	Đối với dịch vụ thanh toán viện phí		Phòng Y tế
5.5.1	Tỷ lệ các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn đô thị, các bệnh viện và Trung tâm y tế cấp huyện chấp nhận thanh toán viện phí, dịch vụ y tế bằng phương thức TTKDTM	100%	
5.5.2	Tỷ lệ số tiền viện phí được thanh toán bằng phương thức TTKDTM:		
	- Tỷ lệ số tiền viện phí tại các bệnh viện được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	60%	
	- Tỷ lệ số tiền viện phí tại các Trung tâm y tế thành phố được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	55%	
5.6	Đối với dịch vụ hành chính công		Trung tâm Hành chính công
5.6.1	Tỷ lệ số tiền phí dịch vụ hành chính công cấp thành phố được thanh toán bằng phương thức TTKDTM	100%	
5.7	Đối với dịch vụ tri trả an sinh xã hội		Bảo hiểm xã hội thành phố
5.7.1	Tỷ lệ số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp,... trên địa bàn đô thị được chi trả thông qua phương thức TTKDTM	85%	
5.7.2	Tỷ lệ số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn nông thôn được chi trả thông qua phương thức TTKDTM	25%	
6	Đối với dịch vụ Mobile - Money		
6.1	Viettel chi nhánh Quảng Ninh		Viettel chi nhánh Quảng Ninh
6.1.1	Số tài khoản Mobile - Money	1.500	
6.1.2	Tỷ lệ số tài khoản Mobile - Money/ Tổng số thuê bao di động	35%	
6.2	VNPT chi nhánh Quảng Ninh		VNPT chi nhánh Quảng Ninh